

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ- CỬ NHÂN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG CURRICULUM - BACHELOR OF FINANCE & BANKING PROGRAM

Giai đoạn chuẩn bị 12 tháng (Preparatory Stage: 12 months)

No.	Mã môn học (Course Code)	Tên môn học	Course title	Thời lượng/ Credits	No. of periods
Orientation Education					
Defense Training Program at Xuan Hoa Defense Training Center					
I Students are classified by the levels of English with the entrance English test					
II. Chương trình học/Curriculum					
1	EN011	Tiếng Anh 1	English 1		140
2	EN021	Tiếng Anh 2	English 2		140
3	EN031	Tiếng Anh 3	English 3		140
4	EN041	Tiếng Anh 4	English 4		140
5	EN051	Tiếng Anh 5	English 5 (Advanced 1)		140
(6)	(EN061)	(Tiếng Anh 6)	English 6 (Advanced 2)		(140)

700

Giai đoạn I: KIẾN THỨC CƠ SỞ (Gồm 5 kỳ, mỗi kỳ 15 tuần, tổng thời lượng cả giai đoạn 20 tháng)

Stage I: FOUNDATION (5 Semesters, with 15 weeks/semester, total of 20 months/stage)

1 credit=15 in-class hours, 1 period=45minutes

HỌC KỲ I/ SEMESTER I

1	1	ECON101	Kinh tế học đại cương	Introduction to Economics for Business	3
	2	MATH101-2	Toán cao cấp	Maths (Calculus)	3
	3	WRT102	Kỹ năng viết hiệu quả	Writing Seminar/Critical Thinking	3
	4	MG101	Quản trị học	Introduction to Management	3
	5	EB112	Tiếng Anh kinh doanh 1	Business English I Market leader (MKL)-elementary level	4
	6	VOV101	VOVINA(GDTC, 2 tiết/1 tuần)	VOVINA (Physical education, 2 periods/week)	2
TỔNG/TOTAL					18

HỌC KỲ II/SEMESTER II

2	7	STAT301	Thống kê kinh doanh	Introductory Business Statistics	3
	8	ECON102	Kinh tế học quản lý	Managerial Economics	3
	9	ACC 301	Nguyên lý kế toán	Principle of Accounting	3
	10	CF100-3	Ứng dụng tin học trong phân tích kinh doanh	Introductory to the Computer as an Analysis Tool	3
	11	MKT 301	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	3
	12	EB221	Tiếng Anh kinh doanh 2	Business English II Market leader (MKL)-preintermediate level	2
	13	VOV201	VOVINA(GDTC, 2 tiết/1 tuần)	VOVINA (Physical education, 2 periods/week)	2
TỔNG/TOTAL					19

HỌC KỲ III/SEMESTER III

3	14	OB201	Hành vi tổ chức	Organizational Behaviour	3
	15	SS102-2	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	Leadership & Communication in Groups	3
	16	ACC 303	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3
	17	EB222	Tiếng Anh kinh doanh 3	Business English 3 intermediate MKL-	2
	18	CHN111 (JP111)	Tiếng Hoa 1/ Tiếng Nhật 1/...	Chinese 1/ Japanese 1/...	4
	19	VOV301	VOVINA(GDTC, 2 tiết/1 tuần)	VOVINA (Physical education, 2 periods/week)	2
TỔNG/TOTAL					17

HỌC KỲ IV/SEMESTER IV

4	20	FIN402	Quản trị Tài chính doanh nghiệp 1	Corporate Finance 1	3
	21	LAW201	Pháp luật đại cương	Introduction to Law and Legal Process	3
	22	E-COM100	Thương mại điện tử Hoặc Thị trường Tài chính *	E-commerce or Financial Markets and Institutions	3
	23	EB311	Tiếng Anh kinh doanh 4	Business English 4 upper level 1 MKL-	2
	24	CHN2 (JP112)	Tiếng Hoa 2/ Tiếng Nhật 2/...	Chinese 2/ Japanese 2/...	4
	TỔNG/TOTAL				

* Sinh viên chọn học theo Track 3,4 (Corporate & Investment Banking) sẽ học môn Financial Markets and Institutions thay cho E-COM100 – Ecommerce.

HỌC KỲ V/SEMESTER V

Students select one of the TWO concentrations including **FINANCE and BANKING**
(Sinh viên lựa chọn một trong 2 chuyên ngành chính: Tài chính hoặc Ngân hàng).

FINANCE**Track 1: CORPORATE FINANCE (TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP)**

5	25	FIN402	Quản trị Tài chính doanh nghiệp 2	Corporate Finance 2	3
	26	FIN403	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Management	3
	27	ACCT101	Kiểm toán căn bản	Audit	3
	28	SS502	Kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột	Negotiation and Conflict Solving Skills	3
	29	EB321	Tiếng Anh kinh doanh 5	Business English 5 upper level 2 MKL-	2
	30	CHN3 (JP113)	Tiếng Hoa 3/ Tiếng Nhật 3/...	Chinese 3/ Japanese 3/...	4
	TỔNG/TOTAL				

** FIN402, FIN403 và ACCT101: 3 môn đầu tiên thuộc Track 1

Track 2: ASSET MANAGEMENT (QUẢN LÝ TÀI SẢN)

25	QUAN101	Mô hình toán học trong tài chính	Mathematical Methods for Finance	3
26	FIN405	Chứng khoán cổ phần	Equity Security	3
27	FIN406	Chứng khoán thu nhập cố định	Fixed Income Security	3
28	SS502	Kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột	Negotiation and Conflict Solving Skills	3
29	EB321	Tiếng Anh kinh doanh 5	Business English 5 upper level 2 MKL-	2
30	CHN3 (JP113)	Tiếng Hoa 3/ Tiếng Nhật 3/...	Chinese 3/ Japanese 3/...	4
TỔNG/TOTAL				18

** QUAN101, FIN405, FIN 406: 3 môn đầu tiên thuộc Track 1

BANKING**Track 3: CORPORATE & INVESTMENT BANKING (NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ)**

25	CON1	Môn chuyên ngành 1	Concentration 1	3
26	CON2	Môn chuyên ngành 2	Concentration 2	3
27	CON3	Môn chuyên ngành 3	Concentration 3	3
28	SS502	Kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột	Negotiation and Conflict Solving Skills	3
29	EB321	Tiếng Anh kinh doanh 5	Business English 5 upper level 2 MKL-	2
30	CHN3 (JP113)	Tiếng Hoa 3/ Tiếng Nhật 3/...	Chinese 3/ Japanese 3/...	4
TỔNG/TOTAL				18

Track 4: COMMERCIAL BANKING (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)

25	CON1	Môn chuyên ngành 1	Concentration 1	3
26	CON2	Môn chuyên ngành 2	Concentration 2	3
27	CON3	Môn chuyên ngành 3	Concentration 3	3
28	SS502	Kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột	Negotiation and Conflict Solving Skills	3
29	EB321	Tiếng Anh kinh doanh 5	Business English 5 upper level 2 MKL-	2
30	CHN3 (JP113)	Tiếng Hoa 3/ Tiếng Nhật 3/...	Chinese 3/ Japanese 3/...	4
TỔNG/TOTAL				18

GIAI ĐOẠN II: ĐÀO TẠO TRONG MÔI TRƯỜNG DOANH NGHIỆP (ON THE JOB TRAINING)

Total times 8 months

Học kỳ phụ	31	EB411	Tiếng Anh kinh doanh 6	Business English 6, Advanced level 1 MKL-	2
	32	CHN4 (JP114)	Tiếng Hoa 4/ Tiếng Nhật 4/...	Chinese 4/ Japanese 4/...	3
Thực tập	33	CRF101	Kỹ năng xin việc hiệu quả	Career Foundations	2
	34	OJT	Thực tập doanh nghiệp	Professtional Attachment	10
TỔNG/TOTAL					17

GIAI ĐOẠN III: HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH (STAGE III: STUDY AND GRADUATION ASSIGNMENT)**HỌC KỲ VI/SEMESTER VI****FINANCE****Track 1: CORPORATE FINANCE (TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP)**

6	35	FIN407	Mô hình tài chính	Financial Modeling	3
	36	FIN408	Tái cấu trúc doanh nghiệp	Corporate Restructuring	3
	37	V601	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Revolutionary Directions of Vietnam Communist Party	3
	38	EB421	Tiếng Anh kinh doanh 7	Business English 7 advanced level 2 MKL-	2
	39	CHN5 (JP115)	Tiếng Hoa 5/ Tiếng Nhật 5/...	Chinese 5/ Japanese 5/...	4
TỔNG/TOTAL					15

Track 2: ASSET MANAGEMENT (QUẢN LÝ TÀI SẢN)

6	35	FIN403	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Management	3
	36	FIN409	Quản lý danh mục đầu tư	Portfolio Management	3
	37	V601	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Revolutionary Directions of Vietnam Communist Party	3
	38	EB421	Tiếng Anh kinh doanh 7	Business English 7 advanced level 2 MKL-	2
	39	CHN5 (JP115)	Tiếng Hoa 5/ Tiếng Nhật 5/...	Chinese 5/ Japanese 5/...	4
TỔNG/TOTAL					15

BANKING**Track 3: CORPORATE & INVESTMENT BANKING (NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ)**

6	35	CON4	Môn chuyên ngành 4	Concentration 4	3
	36	CON5	Môn chuyên ngành 5	Concentration 5	3
	37	V601	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Revolutionary Directions of Vietnam Communist Party	3
	38	EB421	Tiếng Anh kinh doanh 7	Business English 7 advanced level 2 MKL-	2
	39	CHN5 (JP115)	Tiếng Hoa 5/ Tiếng Nhật 5/...	Chinese 5/ Japanese 5/...	4
TỔNG/TOTAL					15

Track 4: COMMERCIAL BANKING (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)

6	35	CON4	Môn chuyên ngành 4	Concentration 4	3
	36	CON5	Môn chuyên ngành 5	Concentration 5	3
	37	V601	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Revolutionary Directions of Vietnam Communist Party	3
	38	EB421	Tiếng Anh kinh doanh 7	Business English 7 advanced level 2 MKL-	2
	39	CHN5 (JP115)	Tiếng Hoa 5/ Tiếng Nhật 5/...	Chinese 5/ Japanese 5/...	4
TỔNG/TOTAL					15

HỌC KỲ VII/SEMESTER VII

7	40	V701	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Fundamental Principles of Marxism-Leninism	5
	41	BE401	Đạo đức kinh doanh	Corporate Responsibility & Ethics	3
	42	FNCE101	Định giá doanh nghiệp	Corporate Valuation	3
	43	TAX101	Thuế	Principles of Taxation	3
					14

HỌC KỲ VIII/SEMESTER VIII

8	44	V801	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	3
	45	ENPR601	Khởi sự doanh nghiệp	Entrepreneurship	3
	46	SMN101	Hội thảo chuyên đề	Practisioners & Academic Seminar	2
	47	GRAA	Chuyên đề tốt nghiệp	Applied Research Project	5
					13
	TỔNG TÍN CHỈ CỦA TOÀN BỘ CÁC GIAI ĐOẠN			TOTAL CREDITS OF ALL STAGES	128